

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05-05-2020

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa chị Qu và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Qu, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số 21, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố số 21, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị Qu; anh Th xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05-03-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Qu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Qu và anh Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn ngày 05-3-2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Th ở Tổ dân phố số 21, thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Hai người chung sống được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th nghiện ma túy, chị Qu và gia đình đã khuyên bảo, đưa đi cải tạo nhiều lần nhưng anh Th vẫn không cai nghiện được. Bên cạnh đó, anh Th còn có hành vi bạo lực, đánh đập chị nhiều lần. Chị Qu, anh Th đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Qu làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh Trang, sinh ngày 20-02-2003, hiện cháu Trang đang ở với anh Th. Khi ly hôn, nếu cháu Trang có nguyện vọng xin ở với anh Th thì chị nhất trí để anh Th nuôi dưỡng. Trường hợp cháu Trang có nguyện vọng ở với chị thì chị nhận nuôi dưỡng cháu Trang và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17-4-2020, bị đơn anh Nguyễn Văn Th có lời khai phù hợp với lời khai của chị Lê Thị Qu về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Th là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến cãi chửi nhau. Nay chị Qu làm đơn xin ly hôn, anh Th xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Th có lời khai thống nhất với chị Qu. Khi ly hôn, anh Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trang và không yêu cầu chị Qu cấp dưỡng nuôi con cho anh.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Th xin xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn anh Th có ý kiến xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Qu và anh Nguyễn Văn Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 05-03-2002. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp, anh Th nghiện ma túy, chị Qu và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị Qu, anh Th đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị Qu đề nghị xin được ly hôn với anh Th. Anh Th nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Qu đối với anh Th thì thấy: Sau khi kết hôn, chị Qu và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên hai người đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Qu và anh Th là trầm trọng, hai người đã sống ly thân thời gian dài nhưng không ai có biện pháp để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nên cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Qu và anh Th đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Qu và anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Qu và anh Th có một con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh Trang, sinh ngày 20-02-2003, hiện đang ở với anh Th. Khi ly hôn, chị Qu, anh Th đều có nguyện vọng để anh Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị Qu không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Đồng thời, cháu Trang cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Th. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung chưa Th niên của chị Qu, anh Th là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh Trang cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, chị Qu không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Th là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Qu, anh Th đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên về tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Qu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Qu và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh Trang, sinh ngày 20-02-2003 cho anh Nguyễn Văn Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Lê Thị Qu không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn Th mà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. (Hiện cháu Trang đang do anh Th nuôi dưỡng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Qu phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002045 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Lê Thị Qu đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn Thịnh Long;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Bùi Văn Bình

Vũ Văn Ái

